

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tâm và bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.
Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 54/2016/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2016.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:
Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Nh, sinh năm: 1965;
Địa chỉ: Khu 10, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1983 - Luật sư Công ty Luật M thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội.
Địa chỉ: Phòng 12A09, tòa 17T7, khu đô thị T - N, phường N, quận T, thành phố Hà Nội.
Bị đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm: 1969;
Địa chỉ: Khu 10, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm: 1979 - Luật sư Văn phòng Luật sư Q thuộc đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ.
Địa chỉ: Số 1061, đường H, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Anh Đặng Hồng S, sinh năm: 1960 và vợ là chị Nguyễn Thị Dương L, sinh năm: 1968;

Đều có địa chỉ: Khu 12B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

- Ông Bùi Đức Th, sinh năm: 1948;

Địa chỉ: Khu 6, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

- Cháu Nguyễn Xuân Q, sinh năm: 1992;

Địa chỉ: Khu 10, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Văn Nh, sinh năm: 1965;

Và chị Bùi Thị H, sinh năm: 1969;

Về con chung: Xác nhận anh Nguyễn Văn Nh và chị Bùi Thị H có 02 (Hai) con chung là Nguyễn Xuân Q, sinh năm: 1992 và Nguyễn Xuân K, sinh năm: 1996. Do 02 (Hai) con chung đều đã thành niên nên anh Nh và chị H không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Xác nhận anh Nguyễn Văn Nh và chị Bùi Thị H có khối tài sản chung là thửa đất số 146, tờ bản đồ số 80, diện tích 108m² ở khu C, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BR 631216 đứng tên Nguyễn Văn Nh và Bùi Thị H do Ủy ban nhân dân huyện Lâm Thao cấp ngày 26/11/2013; trị giá: 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng). Anh Nguyễn Văn Nh và chị Bùi Thị H mỗi người được sở hữu $\frac{1}{2}$ khối tài sản = 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng)/người.

Về quyền định đoạt tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Nh và chị Bùi Thị H tự nguyện giao cho cháu Nguyễn Xuân Q, sinh ngày: 26/12/1992 (là con chung của anh Nguyễn Văn Nh và chị Bùi Thị H) được toàn quyền sử dụng đối với thửa đất số 146, tờ bản đồ số 80, diện tích 108m² ở khu C, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BR 631216 đứng tên Nguyễn Văn Nh và Bùi Thị H do Ủy ban nhân dân huyện Lâm Thao cấp ngày 26/11/2013. Anh Nguyễn Văn Nh và chị Bùi Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự đối với phần tài sản anh Nhân, chị H được hưởng. Cháu Nguyễn Xuân Q không có trách nhiệm phải thực hiện nghĩa vụ gì đối với anh Nguyễn Văn Nh và chị Bùi Thị H.

Về công nợ chung: Xác nhận anh Nguyễn Văn Nh và chị Bùi Thị H còn nợ ông Bùi Đức Th số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Về trách nhiệm trả nợ: Anh Nguyễn Văn Nh có trách nhiệm trả nợ cho ông Bùi Đức Th 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Chị Bùi Thị H có trách nhiệm trả nợ cho ông Bùi Đức Th 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) trong tổng số nợ chung giữa anh Nh và chị H.

Về công sức đóng góp: Anh Nguyễn Văn Nh và chị Bùi Thị H không yêu cầu Tòa xem xét đến.

Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đình chỉ yêu cầu độc lập của anh Đặng Hồng S và chị Nguyễn Thị Dương L về việc buộc anh Nguyễn Văn Nh và chị Bùi Thị H phải trả số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) do anh Đặng Hồng S và chị Nguyễn Thị Dương L đã rút toàn bộ yêu cầu.

Về án phí:

- Anh Đặng Hồng S và chị Nguyễn Thị Dương L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Đặng Hồng S và chị Nguyễn Thị Dương L 3.125.000 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000507 ngày 05/7/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Nguyễn Văn Nh phải chịu tổng cộng 10.450.000 đồng (Mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản. Anh Nguyễn Văn Nh được giảm $\frac{1}{2}$ án phí nên anh còn phải chịu 5.225.000 đồng (Năm triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Xác nhận anh Nh đã nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/00147 ngày 05/01/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Anh Nh còn phải chịu 5.025.000 đồng (Năm triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí theo quy định.

- Chị Bùi Thị H phải chịu toàn bộ án phí chia tài sản chung (đối với phần tài sản chị H được hưởng) là 10.250.000 đồng (Mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Bùi Thị H được giảm $\frac{1}{2}$ án phí nên chị còn phải chịu 5.125.000 đồng (Năm triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao;
- UBND xã S, huyện Lâm Thao;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hoa